VĂN KIỆN

CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA CHO VIỆT NAM (2022–2026)

MỤC LỤC

UNDP trong Chương trình Hợp tác chung của LHQ 5

Ưu tiên và đối tác của Chương trình 8

Quản lý chương trình và Quản lý rủi ro 18

Giám sát và Đánh giá 19

Phụ lục. Khung kết quả và nguồn lực cho Việt Nam (2022-2026) 20

UNDP TRONG CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ

1) Với hơn ba thập kỷ tăng trưởng kinh tế không bị gián đoạn, Việt Nam đã đạt nhiều tiến triển đáng kể trong việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (MTPTBV) và nâng cao chất lượng cuộc sống của hàng triệu người. Tỷ lệ nghèo đa chiều đã giảm từ 8,23% vào năm 2016 xuống còn 4,8% vào năm 2019, với 5,6% dân số có nguy cơ nghèo đa chiều. Năm 2019, Việt Nam lần đầu tiên được xếp vào nhóm các nước có mức độ phát triển con người cao, đứng thứ 117 trên tổng số 189 quốc gia, chỉ số Phát triển con người đạt 0,704 điểm[1].

2) Bên cạnh những thành tựu trên, tình trạng chưa đồng đều về thu nhập, bất bình đẳng về giới và sự phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, giữa khu vực thành thị và nông thôn vẫn tồn tại. Hệ số Gini của Việt Nam năm 2020 là 0,373[2]. Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng trung du, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống dao động từ 11% đến 14,4%, cao hơn đáng kể so với mức trung bình của cả nước là 4,8%[3]. Việt Nam nằm trong nhóm 10 quốc gia có nguy cơ bị ảnh hưởng nhiều nhất thế giới do thiên tai[4]. Việc phụ thuộc quá mức vào nhiên liệu hóa thạch, sự suy thoái môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học đang góp phần làm Việt Nam mất đi cơ hội phát triển kinh tế bền vững.

3) Mặc dù Việt Nam đã đạt chỉ số phát triển giới là 0,997 điểm và đứng thứ 65 trong số các quốc gia tham gia đánh giá[5], hiện vẫn còn nhiều thách thức đang tồn tại. Quốc hội Khóa XV (diễn ra vào tháng 6 năm 2021) có 30,26% đại biểu nữ so với mục tiêu đề ra năm 2018 là 35% trong Nghị quyết 26-NQ/TW của Đảng. Phụ nữ chiếm 60% lực lượng lao động nông nghiệp[6]. Từ năm 2011 đến năm 2020, hơn 90% nạn nhân của tội buôn bán người là phụ nữ, trong số đó 80% là người dân tộc thiểu số[7]. Tỷ lệ khuyết tật ở phụ nữ cao hơn nam giới khoảng 1,5 lần[8].

4) Những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau cao nhất bao gồm các nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ, người nghèo và cận nghèo sinh sống tại các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm cả người nhiễm HIV, người khuyết tật, người đồng tính, song tính và chuyển giới, và người di cư. Trên toàn quốc, 47% hộ gia đình Việt Nam có kết nối Internet, trong khi tỷ lệ này chỉ là 15% ở hộ gia đình dân tộc thiểu số và 16% đối với người khuyết tật (NKT)[9]. Tác động của đại dịch COVID-19 đã đẩy những người dễ bị tổn thương vào tình trạng nghèo tạm thời, nếu không được giải quyết kịp thời sẽ dẫn đến nguy cơ nghiêm trọng làm gia tăng tình trạng nghèo kinh niên và bất bình đẳng.

5) UNDP sẽ hỗ trợ, chia sẻ các kinh nghiệm về tư duy lãnh đạo các vấn đề cốt lõi giúp Việt Nam đạt được các MTPTBV, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Phát triển Con người, dựa trên lý thuyết thay đổi được xây dựng chung làm nền tảng cho Chương trình chung về Hợp tác phát triển bền vững của LHQ (còn gọi là Chương trình Hợp tác), đóng góp cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025 của Việt Nam.

6) Với tư cách là đồng chủ trì Nhóm công tác về dân tộc thiểu số, UNDP sẽ làm việc với

1 UNDP, Báo cáo Phát triển con người 2020

2 Khảo sát mức sống dân cư năm 2020

3 Khảo sát mức sống dân cư năm 2020

4 Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu 2021

5 UNDP, Báo cáo Phát triển con người 2020

6 LHQ và Oxfam tại Việt Nam (2017), Bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai tại Việt Nam

7 Chính phủ Việt Nam, Ủy ban Quốc gia phòng, chống tội phạm, 2018

8 Điều tra quốc gia người khuyết tật Việt Nam năm 2016

9 Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020

các cơ quan thành viên LHQ và các đối tác nhằm hỗ trợ theo dõi các chỉ số phát triển kinh tế xã hội của các nhóm có khả năng bị bỏ lại phía sau và thúc đẩy đối thoại chính sách liên quan. Trong sáng kiến Khung tài chính tích hợp quốc gia (INFF) nhằm thực hiện Chương trình hành động Addis Ababa, UNDP với vai trò đầu mối kỹ thuật sẽ phối hợp cùng Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), Cơ quan LHQ về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women), Chương trình Môi trường LHQ (UNEP) để tăng cường đầu tư công và tư vào tăng trưởng bao trùm, xanh và thân thiện với môi trường. UNDP sẽ làm việc với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Quỹ Dân số LHQ (UNFPA) và UNICEF để thúc đẩy hệ thống an sinh xã hội bao trùm hơn, có tính nhạy cảm giới và ứng phó tốt hơn với các cú sốc, và ứng dụng các phương pháp đo lường nghèo đa chiều.

7) Với tư cách là đồng chủ trì nhóm công tác Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) và Thay đổi Khí hậu, Sử dụng Năng lượng hiệu quả và vai trò của Doanh nghiệp trong Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai, UNDP đang phối hợp với Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) để hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa khí hậu và sức khỏe, và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu trong lĩnh vực y tế. UNDP cũng đang làm việc cùng UNEP để phát triển các phương pháp thực hành không gây tổn hại đến rừng và thúc đẩy hàng hóa tiêu dùng xanh. UNDP là đầu mối kỹ thuật trong khuôn khổ Đối tác của LHQ về quyền của người khuyết tật. UNDP đang thực hiện cùng với UNICEF một chương trình chung về tiếp cận công lý, đồng thời hỗ trợ Việt Nam thông qua các hoạt động cố vấn chính sách của LHQ trong lĩnh vực quản trị công, hành chính công và phòng, chống tham nhũng.

8) UNDP sẽ hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế xanh và bao trùm sau COVID-19 nhằm đảm bảo tăng trưởng trong các khuôn khổ xanh phù hợp. Để đảm bảo cho tương lai và kỳ vọng của Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2035, UNDP sẽ hỗ trợ Chính phủ đẩy nhanh các mục tiêu chuyển đổi số, và từ đó chuyển tiếp một cách toàn diện sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo hướng đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau, cùng với các đối tác của LHQ.

9) Đánh giá độc lập Chương trình quốc gia của UNDP (ICPE) tại Việt Nam thực hiện trong năm 2020 cho thấy trong thời gian qua, UNDP tiếp tục củng cố vị thế là một đối tác phát triển đáng tin cậy. Chính phủ đã áp dụng các giải pháp giảm nghèo đa chiều do UNDP hỗ trợ, tập trung vào tạo việc làm cho các nhóm dễ bị tổn thương. Việc thiết kế và triển khai hệ thống an sinh xã hội mang tính toàn diện cho Việt Nam đã nhận được những đóng góp đáng kể. UNDP cũng đã triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của khủng hoảng, chẳng hạn như các căn nhà ở có khả năng chống chịu với thiên tai đã đứng vững trước các trận bão năm 2020. Hướng tới việc thực hiện các quy định pháp luật mới về phòng chống tham nhũng, UNDP đã hỗ trợ Chính phủ nâng cao trách nhiệm giải trình về thể chế, bên cạnh việc phối hợp với các đối tác để tăng cường việc giám sát tốt hơn các nỗ lực phòng chống tham nhũng ở cấp cơ sở.

10) Dựa trên các khuyến nghị từ đánh giá độc lập ICPE đối với Chương trình quốc gia giai đoạn 2017-2021, Chương trình quốc gia giai đoạn 2022-2026 sẽ tiếp tục tập trung thúc đẩy sự phối hợp giữa các chương trình dự án nhằm nâng cao hiệu quả đóng góp của UNDP vào nỗ lực đổi mới từ chính sách đến thực tiễn. Bên cạnh việc hỗ trợ tăng cường năng lực cho Chính phủ, UNDP sẽ xây dựng một chiến lược thúc đẩy cải cách quản trị công nhằm cải thiện các cơ chế về trách nhiệm giải trình và tăng cường sự đáp ứng về giới trong các lĩnh vực thành quả để tham vấn cho Việt Nam.

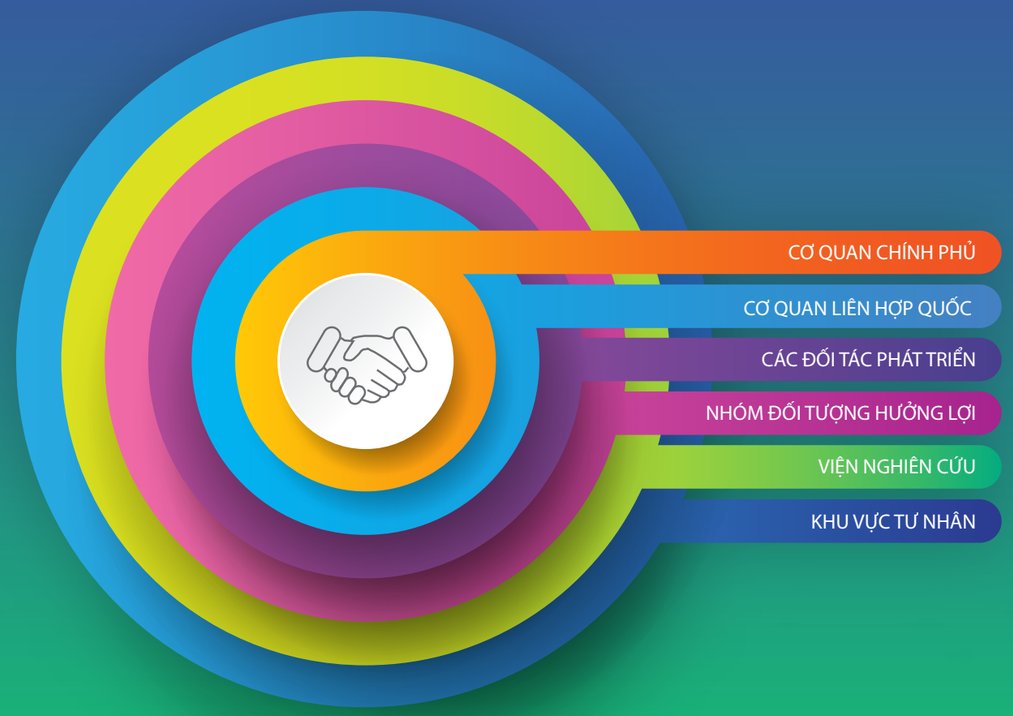

ƯU TIÊN VÀ ĐỐI TÁC CỦA CHƯƠNG TRÌNH

11) Văn kiện Chương trình quốc gia giai đoạn 2022-2026 được xây dựng dựa trên cơ sở tham vấn rộng rãi với các bên liên quan, xuất phát từ và đóng góp vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững đến 2030 và Chương trình Hợp tác của LHQ tại Việt Nam giai đoạn 2022-2026. Bên cạnh đó, Chương trình quốc gia cũng được thiết kế phù hợp với các kế hoạch quốc gia của Việt Nam và Khung chiến lược của UNDP (2022-2026). Bốn trọng tâm trong Chương trình Hợp tác gồm: (i) phát triển xã hội bao trùm, (ii) nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, (iii) xây dựng sự thịnh vượng chung, và (iv) nâng cao hiệu quả quản trị công và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan.

12) Tầm nhìn tổng thể của UNDP là hỗ trợ Chính phủ Việt Nam đẩy nhanh việc đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững, được dẫn dắt bởi ba định hướng đổi mới trong Kế hoạch Chiến lược của UNDP, bao gồm chuyển đổi cơ cấu, không để ai bị bỏ lại phía sau và tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi. Tầm nhìn này cũng được hỗ trợ bởi ba yếu tố: đổi mới sáng tạo mang tính chiến lược, số hóa và nguồn lực tài chính cho phát triển. Dựa trên lợi thế tương đối và năng lực thể chế của UNDP tại Việt Nam, Chương trình quốc gia sẽ đóng góp vào các lĩnh vực thành quả (ii), (iii) và (iv) của Chương trình Hợp tác.

13) Tiếp nối các kết quả của chương trình trước đây, UNDP sẽ hỗ trợ phát triển năng lực thiết kế và thực hiện chính sách dựa trên nguyên tắc quản trị AAA[10] (Tiên lượng, Thích ứng, Nhanh nhạy) để giải quyết những thách thức phức tạp và ứng phó với những vấn đề mới thông qua:

10 Kế hoạch chiến lược UNDP 2022-2026

a) thu thập và phân tích dữ liệu nhằm giải quyết những hình thức nghèo đa chiều mới, đặt thiên nhiên và môi trường vào vị trí trung tâm của phát triển kinh tế, b) thúc đẩy số hóa và đổi mới toàn diện, lấy con người làm trung tâm, c) xem xét lại các lựa chọn chính sách và điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tế, d) thử nghiệm và nhân rộng các mô hình triển khai thành công, và e) phát triển các nền tảng nhằm nâng cao khả năng hoạch định tài khóa và huy động nguồn lực.

14) Đánh giá chính sách toàn diện (QCPR) 2020 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc các cơ quan thành viên LHQ cùng hợp tác để đưa ra các giải pháp phát triển đồng bộ và hòa hợp. Theo đó, UNDP sẽ đóng góp vào khung quản trị của Chương trình Hợp tác, cùng hỗ trợ trong lĩnh vực tài chính cho Chương trình nghị sự 2030, thu thập dữ liệu cho các MTPTBV, giải quyết vấn đề bạo lực giới, thúc đẩy quyền của người khuyết tật và phòng chống thiên tai. Cùng với các cơ quan thành viên LHQ khác, UNDP sẽ cung cấp các bằng chứng, công cụ, phương pháp luận, tư vấn chính sách và các giải pháp sáng tạo nhằm đẩy nhanh việc đạt được các lĩnh vực thành quả của Chương trình Hợp tác.

15) Xuyên suốt các lĩnh vực thành quả, UNDP sẽ hỗ trợ Chính phủ thực thi các cam kết trong quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cho các cơ quan nhằm phát huy tối đa lợi ích từ quá trình hợp tác Nam-Nam và hợp tác trong tam giác phát triển, thông qua nghiên cứu chính sách, đối thoại và trao đổi quốc tế, và quan hệ đối tác nhằm nâng cao quyền năng cho đối tác địa phương, chuyển đổi hệ thống và thúc đẩy vận dụng hệ thống số hóa. Bên cạnh đó, mạng lưới hỗ trợ chính sách toàn cầu (GPN) và cộng đồng chia sẻ giải pháp giữa các quốc gia thông qua Mạng lưới các Phòng thí nghiệm tăng tốc (Accelerator Labs[11]) của UNDP cũng sẽ được tận dụng tối đa.

11 Accelerator Labs là một mạng lưới hỗ trợ hơn 115 quốc gia, được thiết kế để thử nghiệm và triển khai các giải pháp phát triển một cách nhanh chóng (https://acceleratorlabs.undp.org/)

MỤC TIÊU

Hướng tới một tương lai bền vững và công bằng hơn theo định hướng của Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững

Các hướng giải pháp

Ứng phó với Biến đổi Khí hậu, Khả năng Chống chịu Thiên tai, và Bền vững Môi trường (Lĩnh vực thành quả 2 - UNSDCF)

- Tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi với thiên tai và biến đổi khí hậu, giảm nghèo và phát triển sinh kế bền vững, nâng cao các giải pháp dựa vào thiên nhiên, nông nghiệp bền vững, thông minh, và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Tăng trưởng xanh, vận tải ít phát thải carbon, đô thị và thành phố xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững
- Bảo-tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái khỏe mạnh, du lịch dựa vào thiên nhiên, và giảm thiểu ô nhiễm môi trường (trên cạn và biển)
- Việc lập kế hoạch , lập ngân sách, liên kết chính sách và thay đổi chính sách được thực hiện liên ngành & tích hợp
- Mô hình phát triển dự báo trước rủi ro, công cụ kinh tế mang tính đổi mới sáng tạo, chuyển giao rủi ro và bảo hiểm, cải thiện năng lực cảnh báo và chuẩn bị trướcthiên tai dựa vào cộng đồng
- Giải quyết các vấn đề trong mối liên kết giữa khí hậu & sức khỏe
- Sử dụng năng lượng tái tạo & hiệu quả năng lượng

Quản trị công và tiếp cận công lý (Lĩnh vực thành quả 4 - UNSDCF)

- Các cơ quan nhà nước minh bạch, nhạy bén & đáp ứng được nhu cầu của người dân
- Pháp quyền và quyền tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người
- Hòa bình, an ninh con người và gắn kết xã hội
- Nhận thức pháp luật của những người có quyền và nghĩa vụ
- Các chính sách và thông lệ mang tính công bằng, không phân biệt đối xử và không kỳ thị
- Xây dựng năng lực và nâng cao hiệu quả hoạt động rà phá bom mìn và phòng, chống nạn buôn người
- Các biện pháp phòng chống tham nhũng
- Năng lực thể chế của ngành tư pháp
- Hợp tác Nam-Nam và khu vực Tam giác phát triển

Xây dựng sự thịnh vượng chung thông qua chuyển đổi kinh tế (Lĩnh vực thành quả 3 - UNSDCF)

- Nâng cao thu nhập từ nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, sinh kế/việc làm trong lĩnh vực sản xuất/dịch vụ (đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số)
- Nghiên cứu & phát triển, thiết lập tiêu chuẩn, xây dựng năng lực thử nghiệm và cấp giấy chứng nhận nhằm áp dụng công nghệ mới và thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt trong nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME)
- Thúc đẩy tăng trưởng chất lượng cao và các nguồn viện trợ phát triển nhằm phục hồi kinh tế nhanh và bền vững, đẩy nhanh giảm nghèo đa chiều, đặc biệt đối với Nhóm dân tộc thiểu số
- Mở rộng phạm vi và chất lượng của bảo trợ xã hội dành cho các nhóm dễ bị tổn thương
- Thúc đẩy nhất quán về chính sách nhằm giải quyết mối liên kết giữa Con người – Sự thịnh vượng – Hành tinh – Hòa Bình – Quan hệ đối tác) của các Mục tiêu phát triển bền vững
- Tăng cường đầu tư công vào các Mục tiêu phát triển bền vững

Các chủ đề xuyên suốt các hướng giải pháp

Phối hợp hiệu quả giữa người dân, khu vực nhà nước và khối tư nhân

- Đảm bảo tính bao trùm và sự tham gia đầy đủ của người dân trong quá trình hoạch định luật và chính sách
- Sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị và với vai trò lãnh đạo
- Phụ nữ, bao gồm phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) được tiếp cận với các tài sản kinh tế, ví dụ như quyền sử dụng đất và quyền đưa ra quyết định

Các đối tác áp dụng mô hình kinh doanh có khả năng chống chịu với các cú sốc biến đổi khí hậu

- Các tiêu chuẩn của kinh tế tuần hoàn được áp dụng rộng rãi hơn
- Thực hành kinh doanh có trách nhiệm
- các chính sách và thể chế quản trị được xây dựng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) và doanh nghiệp tạo tác động xã hội (SIBs).
- Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 đang trở thành xu thế
- các công ty kết nối tốt hơn với các chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu
- Tạo điều kiện tiếp cận bảo hiểm vi mô, nâng cao năng lực của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) để tiếp cận tín dụng và phát triển các dự án có khả năng sinh lời

Nâng cao năng lực về quản trị tiên lượng, nhanh nhạy, thích ứng, và đổi mới sáng tạo

- Thúc đẩy các mô hình dịch vụ công có sự tham gia của người dân theo hướng đổi mới, số hóa và mang tính tương tác cao
- Các công nghệ, công cụ kỹ thuật số và nền tảng thương mại điện tử giúp kết nối/tiếp cận thị trường mới và xuất khẩu
- Tận dụng chuyển đổi số trong thực hiện chính sách an sinh/ bảo trợ xã hội nhằm đưa hỗ trợ tới đúng đối tượng thụ hưởng

Truy cập nguồn dữ liệu chất lượng tốt và đáng tin cậy

- Đổi mới sáng tạo trong quản lý thông tin và dữ liệu về Biến đổi khí hậu, thiên tai và môi trường
- Tăng tính khả dụng và độ tin cậy của dữ liệu, phân tích nghèo đa chiều, cải thiện chính sách, công cụ và quản lý, đồng thời tăng cường giám sát và báo cáo về việc thực thi Thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG)
- Xây dựng và áp dụng Khung tài chính tích hợp quốc gia và các giải pháp sáng tạo nhằm huy động vốn cho việc thực thi các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)
- Hệ sinh thái dành cho việc thử nghiệm và học hỏi nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG)

Giả định

- ❑ Có sự ủng hộ và tin cậy từ lãnh đạo chính trị các cấp
- ❑ Việc lập kế hoạch hiệu quả dựa trên các cơ sở đã được minh chứng
- ❑ Có không gian và sự hỗ trợ cho việc đổi mới sáng tạo, các bên liên quan chấp nhận mức rủi ro lớn hơn

Các rủi ro

- ❑ Sụt giảm nguồn hỗ trợ tài chính cho các giải pháp về phát triển
- ❑ Thiên tai, dịch bệnh làm đảo ngược các thành tựu phát triển và thay đổi các ưu tiên

Lĩnh vực thành quả 1: Xây dựng sự thịnh vượng chung thông qua chuyển đổi kinh tế

16) Lý thuyết thay đổi được sử dụng làm căn cứ xây dựng các hoạt động trong lĩnh vực thành quả 1 là nếu các doanh nghiệp trong nước đạt được giá trị gia tăng, quy mô và khả năng cạnh tranh cao hơn, nếu các chính sách thúc đẩy nâng cao năng suất và công việc thỏa đáng thông qua phát triển các doanh nghiệp trong nước, bao gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và việc nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ được thực hiện có hiệu quả, nếu các chính sách và đầu tư phát triển tạo điều kiện cho việc áp dụng các công nghệ xanh, hiện đại và các công cụ kỹ thuật số để chuyển đổi toàn diện sang cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thì sẽ đạt được những tiến triển trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo đa chiều và chuyển đổi kinh tế một cách toàn diện và bền vững thông qua đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh. Lĩnh vực thành quả này đóng góp vào các MTPTBV số 5, 8-10, 12, 17 và áp dụng các giải pháp 1 và 6.

17) Để thúc đẩy tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, nhằm tránh bẫy thu nhập trung bình và đạt được tăng trưởng toàn diện hơn, UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các ưu tiên mang tính sáng tạo của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025 bao gồm: tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ mới, giúp các doanh nghiệp kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu. Với sự lãnh đạo của Chính phủ, UNDP sẽ xây dựng các phương án chính sách dựa trên bằng chứng, hướng tới cải thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, và phương pháp tiếp cận "chính phủ kiến tạo phát triển". UNDP sẽ hỗ trợ xây dựng các phương án và cơ chế khả thi để thúc đẩy cơ chế tài chính tích hợp và hướng tới kết quả, đồng thời tăng cường giám sát tiến độ đạt được các mục tiêu quốc gia.

18) Những thay đổi mang tính hệ thống đang rất cần thiết để các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm những hộ gia đình có thu nhập trung bình thấp, đặc biệt là lao động nhập cư trong khu vực phi chính thức, không bị rơi vào tình trạng nghèo sau đại dịch COVID-19[12]. UNDP sẽ góp phần hỗ trợ xây dựng chính sách trợ giúp xã hội của Việt Nam bao trùm hơn, có tính nhạy cảm giới và ứng phó tốt hơn với các cú sốc, thông qua tư vấn chính sách dựa trên bằng chứng và kinh nghiệm quốc tế. UNDP sẽ hỗ trợ xác định đúng nhóm đối tượng dễ bị tổn thương hơn bằng việc vận dụng cách tiếp cận có sự tham gia của các nhóm này và hỗ trợ triển khai ứng dụng các công cụ kỹ thuật số nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý và chi trả kịp thời các khoản trợ cấp xã hội.

19) Giảm nghèo đa chiều ở các vùng dân tộc thiểu số với tốc độ nhanh gấp đôi mức trung bình của cả nước là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược của Việt Nam để không để ai bị bỏ lại phía sau. UNDP sẽ hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia trong việc thiết kế các khung pháp lý và hướng dẫn thử nghiệm các giải pháp đổi mới sáng tạo ở địa phương, đặc biệt phù hợp với phụ nữ ở các vùng dân tộc thiểu số và nhân rộng các giải pháp thành công. Cách thức hỗ trợ có thể bao gồm các thử nghiệm áp dụng thương mại điện tử và các công cụ thanh toán điện tử để tối đa hóa sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số vào chuỗi giá trị. UNDP sẽ thử nghiệm cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tạo tác động xã hội nâng cao khả năng cạnh tranh, đặc biệt là trong bối cảnh hậu đại dịch COVID-19. Nhằm đảm bảo hoạt động hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp do các đối tượng dễ bị tổn thương điều hành, những nền tảng tạo điều kiện cho nhiều bên tham gia sẽ được thiết lập nhằm thúc đẩy liên kết thị trường và tăng cường năng lực, qua đó tăng năng suất lao động và tạo công ăn việc làm bền vững, đặc biệt là cho những người dễ bị tổn thương nhất.

12 UNDP, Đánh giá nhanh Việt Nam 2021

Lĩnh vực thành quả 2: Biến đổi khí hậu, Tăng cường khả năng chống chịu với thiên tai & Môi trường bền vững

20) Lý thuyết thay đổi được sử dụng làm căn cứ xây dựng các hoạt động trong lĩnh vực thành quả 2 là nếu có thể tăng cường khả năng chống chịu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng nhạy cảm giới, toàn diện và bao trùm, nếu có thể tiếp tục đẩy nhanh quá trình phát triển carbon thấp và các biện pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu , nếu giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường, nếu tăng cường các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên , và nếu việc phục hồi từ đại dịch COVID-19, thực hành sản xuất và tiêu dùng được thực hiện theo định hướng thân thiện với môi trường, thì tính toàn vẹn của các hệ sinh thái tự nhiên sẽ được phục hồi, môi trường trên hành tinh được cải thiện và từ đó đạt được MTPTBV. Lĩnh vực thành quả này đóng góp vào các MTPTBV số 1, 3, 5, 7, 11, 12, 13, 14, 15 và áp dụng các giải pháp 1, 2, 4, 5.

21) Phát huy lợi thế tương đối của UNDP trong việc giải quyết các mối liên kết giữa nghèo đói-môi trường và khí hậu-sức khỏe, UNDP sẽ hỗ trợ tăng cường quản trị về môi trường và khí hậu, giảm thiểu tình trạng nghèo và dễ bị tổn thương bởi những rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, suy giảm đa dạng sinh học và hệ sinh thái, sa mạc hóa, suy thoái đất, ô nhiễm đại dương và chất thải nhựa, và và các tác động xấu đến sức khỏe. UNDP sẽ nâng cao quyền năng cho người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao cơ hội phát triển sinh kế và khả năng chống chịu của họ. UNDP sẽ hỗ trợ xây dựng năng lực lập kế hoạch phát triển có tính đến rủi ro thiên tai, sử dụng các giải pháp dựa trên thiên nhiên, thực hành nông nghiệp thích ứng với khí hậu, xây dựng nhà ở và các cơ sở hạ tầng kiên cố, các giải pháp khả thi để quản lý rủi ro thiên tai và biến

đổi khí hậu, và các biện pháp thích ứng trong ngành y tế.

22) UNDP sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực và cải thiện các chính sách về quản lý rủi ro thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai, các sự cố do thiên nhiên, dịch bệnh hoặc do con người gây ra, trong đó chú trọng đến các biện pháp bảo vệ quyền công dân, đặc biệt là đối với các nhóm dễ bị tổn thương. Để nâng cao theo dõi tiến độ phát triển năng lực, UNDP sẽ hỗ trợ đánh giá năng lực trên toàn quốc theo Chỉ số quản lý thiên tai cấp tỉnh của Chính phủ. UNDP sẽ tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân để đóng góp hiệu quả hơn vào việc giảm thiểu rủi ro thiên tai ở Việt Nam thông qua việc thiết lập mạng lưới kinh doanh hỗ trợ phục hồi và giới thiệu các giải pháp chuyển giao rủi ro, chẳng hạn như bảo hiểm.

23) UNDP sẽ hỗ trợ Chính phủ và khu vực tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (xuyên suốt lĩnh vực thành quả 1 và 2), và các tổ chức tài chính để thiết kế và triển khai các giải pháp phát triển carbon thấp, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường, qua đó đạt được tăng trưởng xanh và các mục tiêu đã đề ra trong Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC). Để giúp đặt nền móng cho một nền kinh tế phi carbon hóa ở Việt Nam, các nguồn lực sẽ được triển khai để phát triển và thực hiện các mô hình kinh doanh xanh, tăng cường sử dụng năng lượng sạch và tái tạo. UNDP sẽ chia sẻ các giải pháp có thể nhân rộng trong các ngành hàng nông nghiệp bền vững không gây mất rừng, chuỗi cung ứng nông nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính, tạo động lực đầu tư và giảm thiểu rủi ro cho các dự án carbon thấp. Để đáp ứng các yêu cầu về tính minh bạch như được xác định trong Thỏa thuận khí hậu Paris, UNDP sẽ hỗ trợ các đối tác cải thiện hệ thống, xây dựng năng lực và công cụ để đo lường và báo cáo về phát thải khí nhà kính, các hành động giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu và tài chính dành cho khí hậu.

24) Việc phục hồi xanh từ COVID-19 sẽ được chú trọng nhiều hơn, bao gồm việc phát triển các chiến lược sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua nâng cao nhận thức và thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ, bao gồm các nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn. Các thiết kế sản phẩm mới sẽ được phát triển cho một số ngành công nghiệp nhất định nhằm giảm thiểu chất thải, đặc biệt là rác thải nhựa đại dương, và sử dụng các hóa chất nguy hại. UNDP sẽ hợp tác với các đối tác mới và hiện tại để thúc đẩy các giải pháp và thực hành đổi mới sáng tạo mang tính bền vững, nhạy cảm giới và lấy con người làm trọng tâm trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và du lịch dựa vào cộng đồng. Phương pháp tiếp cận cảnh quan sẽ được áp dụng để bảo tồn các hệ sinh thái trên cạn và biển ở Việt Nam. UNDP sẽ sử dụng các lợi thế so sánh của mình trong lĩnh vực này để tìm kiếm các cơ chế tài chính bền vững và sáng tạo cho bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là cho quản lý các khu bảo tồn.

25) Nhằm ứng phó với rủi ro ngày càng tăng cao cũng như những tổn thất và thiệt hại liên quan đến thiên tai và khí hậu, UNDP sẽ ứng dụng các phương pháp tiếp cận sáng tạo sau: (i) giải quyết và giảm thiểu các rủi ro đã được xác định, (ii) hạn chế các rủi ro tiềm tàng và (iii) tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi, từ đó đóng góp vào việc thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2050, và Khung Sendai về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai.

Lĩnh vực thành quả 3: Quản trị công

26) Lý thuyết thay đổi được sử dụng làm cơ sở cho các hoạt động trong thành quả 3 là: nếu các thiết chế quản trị công có nhiều yếu tố đổi mới sáng tạo hơn, cởi mở hơn, phù hợp hơn với nhu cầu của người dân, và minh bạch hơn; nếu sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương được mở rộng; nếu các thiết chế pháp quyền, tiếp cận công lý và tiếp cận thông tin được cải thiện hơn; nếu bình đẳng giới được tăng cường ở tất cả các cấp; nếu các chiến lược, chương trình và các quy định pháp luật về bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương nhằm đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau được triển khai; nếu việc gia tăng số hóa làm gia tăng khả năng tiếp cận dịch vụ một cách công bằng; nếu các phương thức quản trị AAA được áp dụng để ngăn ngừa và ứng phó với các cuộc khủng hoảng phức tạp và bất ngờ, thì Việt Nam có thể tiến gần đến một xã hội hiện đại hơn, công bằng hơn, an toàn và hòa nhập hơn dựa trên nền tảng quản trị công hiệu quả và hoà bình bền vững. Lĩnh vực thành quả này đóng góp vào các MTPTBV số 5, 10, 16 và áp dụng các giải pháp 2, 3 và 6.

27) Việc tiếp cận công lý, công bằng sẽ được tăng cường thông qua thúc đẩy dịch vụ trợ giúp pháp lý mang tính nhạy cảm giới, có quan tâm đến nhóm người khuyết tật, và các dịch vụ tích hợp tại địa phương dành cho phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và nâng cao năng lực của các cơ quan tư pháp. UNDP sẽ hỗ trợ Việt Nam thực hiện tốt hơn các cam kết quốc tế về quyền con người thông qua việc hoàn thiện hệ thống pháp luật quóc gia và giám sát hiệu quả hơn quá trình. Các chiến lược về trao quyền pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế sẽ được nghiên cứu nhằm đảm bảo tăng cường tiếp cận công lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác giảm nghèo, xóa bỏ phân biệt đối xử và bạo lực giới. Cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm sẽ được áp dụng trong quá trình số hóa các dịch vụ trong đó bao gồm dịch vụ trợ giúp pháp lý. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng hiệu quả các cơ chế tham gia tố tụng tại Tòa án, các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế sẽ được hỗ trợ thông qua các hoạt động hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan, nhằm giảm thiểu thời gian giải quyết các trường hợp.

28) Các cơ chế nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, tăng cường sự tham gia của người dân, bao gồm sự tham gia của phụ

nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác được tăng cường thông qua sự phối hợp với các cơ quan của Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc[13], các tổ chức đoàn thể và các viện nghiên cứu. Điều này sẽ bao gồm việc sử dụng các kết quả của mạng lưới Phòng thí nghiệm tăng tốc (Accelerator Labs) trong xác định các chủ thể đổi mới ở địa phương nhằm tạo ra các giải pháp lấy người dùng và người dân làm trung tâm. Bên cạnh đánh giá của các cơ quan nhà nước, chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tiếp tục là một công cụ quan trọng đánh giá trải nghiệm và sự hài lòng của người dân với hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó, UNDP sẽ xây dựng danh mục nội dung hợp tác thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong quản trị quốc gia để hỗ trợ các cơ quan trung ương và địa phương đạt được các mục tiêu quốc gia đến năm 2025, và danh mục này sẽ hỗ trợ các chương trình, dự án ở cả ba lĩnh vực thành quả của Chương trình quốc gia.

29) UNDP sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng cường năng lực cho các đối tác trong nước trong thực hiện các nhiệm vụ chủ trì, điều phối các bên liên quan tham gia hoạt động rà phá bom mìn, góp phần giảm thiểu hơn nữa tác động của vật liệu nổ đến cộng đồng. Với trọng tâm hỗ trợ lập kế hoạch ở cấp địa phương, thực hiện các văn bản pháp luật được sửa đổi dựa trên khuyến nghị từ các thực tiễn tốt của quốc tế, UNDP sẽ góp phần hỗ trợ quá trình phát triển toàn diện và tăng cường khả năng chống chịu ở địa phương và đảm bảo sinh kế. UNDP sẽ thúc đẩy phương pháp tiếp cận AAA trong lĩnh vực quản trị công, giúp dự đoán xu hướng, tìm kiếm giải pháp phù hợp với từng địa phương và phản ứng nhanh nhằm cải thiện an ninh con người, duy trì hòa bình, ứng phó với khủng hoảng trong tương lai và đóng góp vào cả ba lĩnh vực thành quả của Chương trình quốc gia.

30) UNDP sẽ hỗ trợ việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới (2021-2030), thúc đẩy vai trò lãnh đạo và sự tham gia của phụ nữ. Việc đầu tư vào nâng cao năng lực để giải quyết bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử sẽ giúp giảm thiểu rủi ro tụt hậu so với những thành quả phát triển trước đó. Nhằm ứng phó với nạn buôn người, UNDP sẽ làm việc với các đối tác để cải thiện khung pháp luật và chính sách, xây dựng cơ sở bằng chứng mạnh mẽ, đồng thời tăng cường hợp tác khu vực. UNDP sẽ hỗ trợ thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến người khuyết tật để đảm bảo sự phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

13 Liên hiệp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân đại diện cho các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo và Việt kiều.

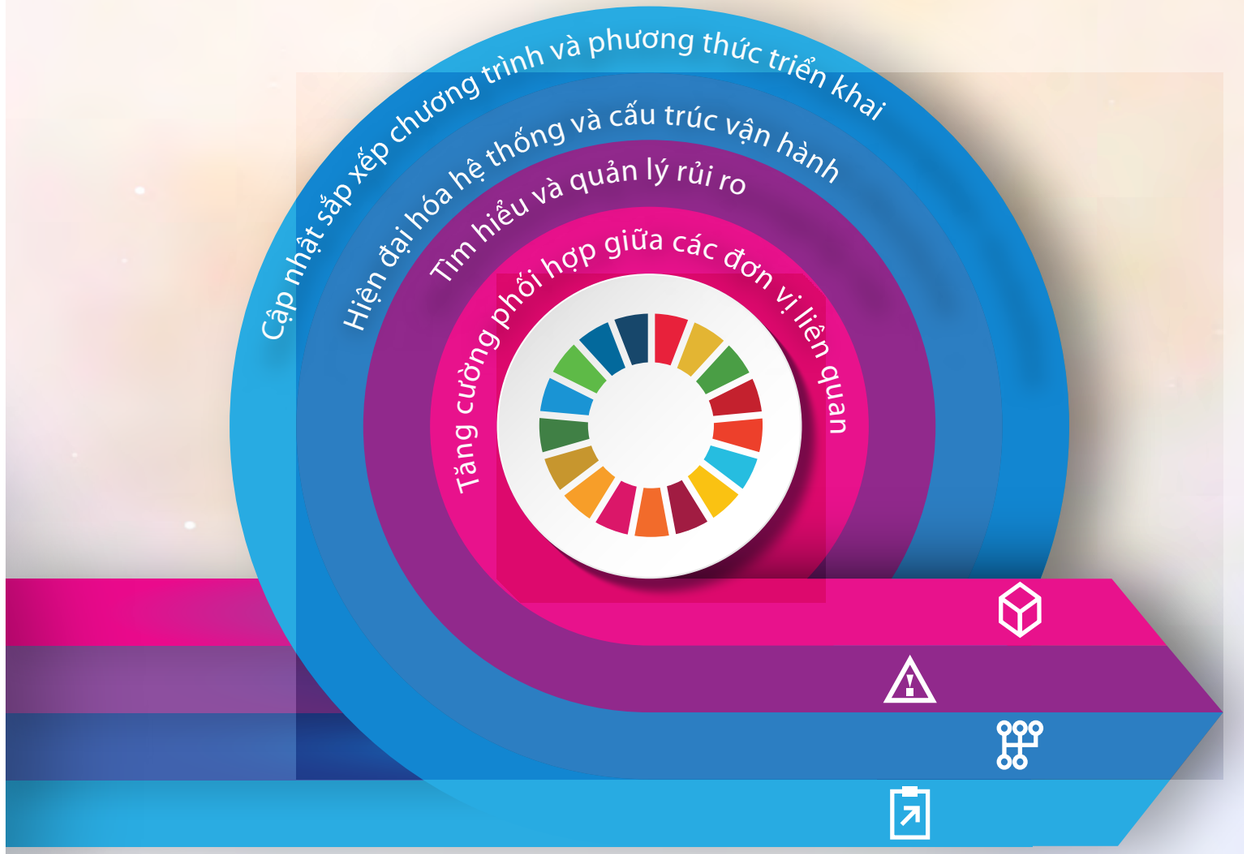

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

31) Văn kiện Chương trình quốc gia của UNDP giai đoạn 2022-2026 trình bày những đóng góp của UNDP vào thành tựu phát triển của Việt Nam, được sử dụng để giải trình trước Ban Điều hành về tính phù hợp của các thành quả và kết quả của Chương trình cũng như việc sử dụng nguồn lực đã được phân bổ ở cấp quốc gia. Trách nhiệm của các cán bộ quản lý của UNDP ở cấp độ quốc gia, khu vực và toàn cầu đối với việc thực hiện Chương trình quốc gia được nêu rõ trong Các chính sách và Thủ tục về Hành chính và Chương trình và Khung Kiểm soát nội bộ

32) Chương trình quốc gia của UNDP sẽ do các cơ quan Việt Nam thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, UNDP có thể trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ Chương trình trong quốc gia trong trường hợp bất khả kháng. Để quản lý rủi ro tài chính, Phương thức tiếp cận hài hòa trong chuyển tiền mặt (Harmonised Approach to Cash Transfers) sẽ được sử dụng trong mối quan hệ phối hợp với các cơ quan khác của LHQ. Các khoản chi hỗ trợ thực hiện Chương trình quốc gia sẽ được xác định, phân loại và hạch toán vào các dự án tương ứng.

33) Theo khuyến nghị của ICPE, UNDP sẽ đầu tư vào các hệ thống quản lý dựa trên kết quả (RBM) để giám sát và đánh giá chương trình tốt hơn và thực hiện điều chỉnh khi cần thiết. UNDP sẽ triển khai một số hoạt động cụ thể nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả và hiệu suất sử dụng nguồn lực của Chương trình quốc gia nhằm đạt được các kết quả phát triển, đồng thời giảm thiểu rủi ro và tận dụng cơ hội để tối đa hóa lợi ích cho các nhóm đối tượng mục tiêu.

34) Để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra về thiên tai và những bất ổn sau đại dịch, UNDP sẽ phát triển chiến lược ứng phó đảm bảo hoạt động liên tục và thiết lập các ngưỡng giới hạn tạo điều kiện điều chỉnh chương trình, bao gồm cả việc phân bổ lại các nguồn lực. Ở Việt Nam, nguy cơ suy giảm nguồn lực đã được xem xét và cần phải theo dõi liên tục. Để giảm thiểu rủi ro trên khía cạnh này, UNDP sẽ làm việc với Chính phủ và các đối tác khác trên nguyên tắc cùng chịu trách nhiệm để đạt được các mục tiêu toàn cầu, thông qua tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng của các thiết chế nhằm ứng phó với những bất ổn và gián đoạn. Các công cụ mang tính đổi mới sáng tạo sẽ được áp dụng nhằm đảm bảo Chương trình đạt được các kết quả có chất lượng, chẳng hạn như sáng kiến tìm kiếm cơ hội hợp tác, dịch vụ hỗ trợ thực hiện mục tiêu phát triển, hay các chương trình chung với một hoặc nhiều tổ chức LHQ khác sẽ được triển khai bên cạnh các dự án hỗ trợ phát triển thông thường.

35) Lập kế hoạch dự phòng trong Chương trình quốc gia giúp ứng phó với những thay đổi trong một số trường hợp, ví dụ như khi nguồn lực giảm, bằng cách điều chỉnh lý thuyết thay đổi, tối ưu hóa sự gắn kết giữa các lĩnh vực kết quả, điều chỉnh các can thiệp phát triển, lựa chọn phù hợp các phương thức thực hiện và cách thức theo dõi nhanh để có thể phản ứng nhanh. Phù hợp với các yêu cầu của chương trình quốc gia này, văn phòng quốc gia sẽ xem xét các quy trình hiện đang sử dụng để cải thiện tính hiệu quả, tính bền vững và hiệu quả chi phí, bao gồm cơ cấu nhân sự với năng lực thực hiện phù hợp.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

36) Dựa trên các khuyến nghị của Đánh giá độc lập chương trình quốc gia, hệ thống giám sát và đánh giá sẽ tập trung vào các thành quả của Chương trình, với việc giám sát thường xuyên hơn trong suốt chu kỳ chương trình, hướng tới việc nắm bắt các thay đổi cả ở cấp độ hệ thống và trên thực tế. Các chỉ số đánh giá cho thấy đóng góp của các dự án khác nhau vào Chương trình quốc gia sẽ được xác định chặt chẽ và giám sát thường xuyên một cách độc lập. UNDP sẽ áp dụng cách tiếp cận theo lĩnh vực, giải quyết các vấn đề từ góc độ hệ thống, tận dụng mối liên kết giữa các can thiệp, thông qua sự kết hợp của các can thiệp ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

37) Để đảm bảo thống nhất với Chương trình Hợp tác của LHQ và các mục tiêu phát triển của Việt Nam, UNDP sẽ sử dụng các nguồn dữ liệu chính thức của Việt Nam để báo cáo tiến độ hoàn thành kết quả. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình quốc gia, Chương trình Hợp tác của LHQ và Các mục tiêu phát triển bền vững, UNDP sẽ cùng phối hợp cùng các đơn vị đối tác của LHQ hỗ trợ các cơ quan chính của Chính phủ Việt Nam củng cố các quy trình đánh giá dựa trên kết quả.

38) Lý thuyết thay đổi, khung kết quả và phân bổ nguồn lực sẽ được điều chỉnh trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào đánh giá định kỳ về những thành tựu của UNDP và bối cảnh kinh tế - chính trị của Việt Nam. Đánh giá của bên thứ ba theo yêu cầu của UNDP toàn cầu sẽ cung cấp thông tin đầu vào cho quá trình thiết kế và triển khai Chương trình quốc gia của UNDP.

39) Áp dụng phương pháp tiếp cận toàn diện, ít nhất 15% ngân sách của Chương trình quốc gia của UNDP giai đoạn 2022-2026 sẽ được phân bổ cho các can thiệp về giới và góp phần thúc đẩy sáng kiến đánh giá và cấp chứng chỉ về thúc đẩy bình đẳng giới[14]. Thang đánh giá yếu tố giới sẽ được sử dụng để giám sát chi tiêu và cải thiện công tác lập kế hoạch[15]. Khoảng 3% tổng ngân sách Chương trình sẽ được phân bổ cho hoạt động giám sát, đảm bảo chất lượng và truyền thông về kết quả. Các phương thức đổi mới sáng tạo sẽ được áp dụng nhằm đảm bảo hoạt động giám sát được thực hiện một cách toàn diện hơn, hỗ trợ cho việc ra quyết định theo thời gian thực. Tuỳ thuộc vào ngân sách, các nội dung tăng cường khả năng tiếp cận sẽ được phân bổ kinh phí nhằm đảm bảo sự tham gia của người khuyết tật.

40) Một chương trình nghiên cứu nhiều năm sẽ được xây dựng cùng với các đối tác, giúp cung cấp các tài liệu phân tích chính sách, tài liệu phục vụ thảo luận và báo cáo định kỳ, bao gồm cả các báo cáo về các Mục tiêu phát triển bền vững. Một chiến lược quản trị tri thức sẽ được thực hiện để thúc đẩy văn hóa xây dựng, chia sẻ và tận dụng tri thức để chia sẻ và cung cấp thông tin cho việc xây dựng chương trình, truyền thông và ra quyết định. Một chiến lược truyền thông sẽ được thực hiện để vận động cho các Mục tiêu, và thúc đẩy đối thoại chính sách, bao gồm thông qua tư duy lãnh đạo ở tầm khu vực và quốc tế.

14 Sáng kiến của UNDP toàn cầu nhằm đánh giá và ghi nhận hiệu quả hoạt động của các văn phòng UNDP ở các nước trong lĩnh vực thúc đẩy bình đẳng giới

15 Chiến lược Bình đẳng giới của UNDP, giai đoạn 2018-2021

Phụ lục. Khung kết quả và nguồn lực cho Việt Nam (2022-2026)

ƯU TIÊN CỦA QUỐC GIA: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

THÀNH QUẢ TRONG CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CỦA LHQ LIÊN QUAN ĐẾN THÀNH QUẢ SỐ 1 CỦA UNDP: Đến năm 2026, người dân ở Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ đóng góp và hưởng lợi một cách công bằng từ các chuyển đổi kinh tế bền vững, toàn diện, đáp ứng giới hơn dựa trên sự đổi mới, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và công việc thỏa đáng.

THÀNH QUẢ LIÊN QUAN CỦA KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC: Thành quả số 1 – Chuyển đổi cơ cấu, đặc biệt là chuyển đổi xanh, toàn diện và kỹ thuật số

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 1.1: GDP bình quân đầu người Mức cở sở đầu kỳ: USD 3.521 Chỉ tiêu cuối kỳ:Duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm 4-4,5% **Chỉ số 1.2:** Tỷ lệ việc làm phi chính thức theo giới tính (MTPTBV 8.3.1) Mức cơ sở đầu kỳ: Việc làm dễ bị tổn thương: 54,1% Chỉ tiêu cuối kỳ: giảm khoảng 1% mỗi năm	Tổng Cục Thống kê	**ĐẦU RA 1.1: Các cơ chế tạo điều kiện cho các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là người nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số và người khuyết tật, tạo ra và tiếp cận việc làm bền vững và cải thiện sinh kế** **Chỉ số 1.1.1 :** Số lượng khung pháp lý mới có khả năng thúc đẩy cơ hội tạo sinh kế cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 3 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 5 **Nguồn dữ liệu**: Báo cáo của Chính phủ về các Chương trình mục tiêu quốc gia **Chỉ số 1.1.2:** Số lượng các nền tảng huy động sự tham gia của các bên liên quan để tăng cường liên kết thị trường và nâng cao năng lực của các các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 0 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 2 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của Chính phủ về các Chương trình mục tiêu quốc gia **Chỉ số 1.1.3:** Số lượng các giải pháp đổi mới sáng tạo được thử nghiệm và áp dụng nhằm khuyến khích các doanh nghiệp có tác động xã hội bền vững	Chính phủ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc. Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội, Quốc hội (Ủy ban Các vấn đề xã hội, Hội đồng Dân tộc), Bộ Tư pháp Chính quyền địa phương, các tổ nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số làm kinh tế, các nền tảng kết nối/ mạng lưới đối tác với doanh nghiệp tư nhân/nhiều bên liên quan.	**Nguồn vốn thường xuyên:** 1.800.000 **Các nguồn vốn khác:** 16.088.340

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 1.3: Tỷ lệ thất nghiệp Mức cơ sở đầu kỳ: 2.48% Chỉ tiêu cuối kỳ: Còn lại dưới 3% **Chỉ số 1.4**: Năng suất lao động Mức cơ sở đầu kỳ: 5,081 USD / lao động Chỉ tiêu cuối kỳ: Tốc độ tăng trưởng hàng năm 6,5% **Chỉ số 1.5:** Chỉ số phát triển con người của Việt Nam Mức cơ sở đầu kỳ: 0,704 Chỉ tiêu cuối kỳ: HDI duy trì ở mức trên 0,7 **Chỉ số 1.6:** Tỷ lệ nghèo đa chiều theo chuẩn quốc gia Mức cơ sở đầu kỳ: 4.5% Chỉ tiêu cuối kỳ: Giảm 1-1,5% mỗi năm	Báo cáo Phát triển còn người toàn cầu, UNDP (hàng năm) Điều tra lao động và việc làm (hàng năm) Báo cáo Kinh tế - xã hội (hàng năm) Báo cáo Phát triển còn người toàn cầu, UNDP (hàng năm) Tổng Cục Thống kê	**ĐẦU RA 1.3: Hệ thống an sinh xã hội mang tính bao trùm, nhạy cảm giới và ứng phó hiệu quả với các cú sốc được mở rộng** **Chỉ số 1.3.1:** Số lượng các chương trình trợ giúp xã hội áp dụng tự đăng ký, xác minh và quản lý kỹ thuật số để nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tính kịp thời của việc cung cấp dịch vụ **Mức cơ sở đầu kỳ**: Kết quả thí điểm đã có từ 5 tỉnh. **Chỉ tiêu cuối kỳ:** Có ít nhất 2 chương trình được số hóa và áp dụng trong toàn quốc. **Nguồn dữ liệu:** Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội **Chỉ số 1.3.2:** Tỷ lệ đối tượng trợ giúp xã hội được chuyển tiền mặt qua phương tiện kỹ thuật số **Mức cơ sở đầu kỳ**: Khoảng 3% **Chỉ tiêu cuối kỳ:** Nhiều hơn 50% (phân tách theo giới) **Nguồn dữ liệu:** Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội **Chỉ số 1.3.3:** Số lượng các giải pháp đổi mới sáng tạo mang tính bao trùm, ứng phó hiệu quả với các cú sốc góp phần cải cách chính sách trợ giúp xã hội và khung chương trình về trợ giúp xã hội được thông qua. **Mức cơ sở đầu kỳ**: Không có. **Chỉ tiêu cuối kỳ:** Có ít nhất 2 giải pháp **Nguồn dữ liệu:** Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội **Mức cơ sở đầu kỳ:** Không có **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 3 **Nguồn dữ liệu:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các tổ chức LHQ: ILO, UNIDO, IOM, UNESCO, UNHABITAT, UNICEF, UNWOMEN and UNEP Cơ quan khác: các viện nghiên cứu trong nước, trường Đại học Fulbright Nhà tài trợ: Canada, Quỹ SDG của LHQ	

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 2.1: Số tấn CO2eq thải ra Mức cơ sở đầu kỳ: 528,4 triệu tấn Chỉ tiêu cuối kỳ: 673,3 triệu tấn **Chỉ số 2.2:** Diện tích rừng theo tỷ lệ tổng diện tích đất Mức cơ sở đầu kỳ: 41,89% Chỉ tiêu cuối kỳ: Duy trì ở mức 41,89% **Chỉ số 2.3:** Diện tích khu bảo tồn biển và rừng đặc dụng Mức cơ sở đầu kỳ: Khu bảo tồn biển: 213.000 ha Rừng đặc dụng: 2,17 triệu ha Chỉ tiêu cuối kỳ: Khu bảo tồn biển: 270.271 ha Rừng đặc dụng: 2.462.652 ha	Báo cáo của chính phủ cho UNFCCC MARD và MDGR (hàng năm) MONRE, MARD (hàng năm) Cục Phòng chống thiên tai (hàng năm) Bộ Công Thương (hàng năm)	**ĐẦU RA 1.2: Các lựa chọn chính sách dựa trên bằng chứng nhằm hỗ trợ việc chuyển đổi kinh tế theo hướng bền vững hơn, bao trùm hơn và có tính nhạy cảm giới, cùng với phương án tài chính.** **Chỉ số 1.2.1:** Số lượng các cơ chế hiện có để thúc đẩy bố trí/phân bổ kinh phí theo hướng tích hợp và dựa trên kết quả và tăng cường giám sát hiệu quả đầu tư công nhằm hoàn thành các Mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 4 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo thực hiện chương trình chung của LHQ **Chỉ số 1.2.2:** Số lượng báo cáo của Chính phủ đánh giá quá trình thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 3 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 7 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của Chính phủ **Chỉ số 1.2.3:** Số lượng các phương án chính sách để tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước **Mức cơ sở đầu kỳ**: 0 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 3 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của Chính phủ	Chính phủ:Tổng Cục phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Các cơ quan khác: Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã.	**Nguồn vốn thường xuyên:** 4.628.000 **Các nguồn vốn khác:** 60.216.185

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 2.4: Số người chết, số người mất tích và số người bị thương do thiên tai trên 100.000 dân Mức cơ sở đầu kỳ: 357 người chết và mất tích, 876 người bị thương Chỉ tiêu cuối kỳ: thấp hơn 250 người chết và bị thương **Chỉ số 2.5:** Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng mức tiêu thụ năng lượng Mức cơ sở đầu kỳ: 25% Chỉ tiêu cuối kỳ: 28%		**ĐẦU RA 2.1: Các giải pháp đổi mới sáng tạo và tăng cường khả năng chống chịu được triển khai nhằm giảm thiểu rủi ro từ thiên tai, biến đổi khí hậu và sức khỏe đối với các đối tượng dễ bị tổn thương.** **Chỉ số 2.1.1**: Số lượng người hưởng lợi (nam và nữ) từ các hoạt động hỗ trợ của UNDP trong lĩnh vực thiên tai, khí hậu, và sức khỏe. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 120,689 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 768,500 (phân tách theo giới) **Nguồn dữ liệu**: Báo cáo của Chính phủ, báo cáo của dự án **Chỉ số 2.1.2**: Chỉ số quản lý thiên tai cấp tỉnh **Mức cơ sở đầu kỳ**: quyết định sau[16] **Chỉ tiêu cuối kỳ**: Tăng trung bình 20 điểm ở tất cả các tỉnh **Nguồn dữ liệu**: Tổng Cục phòng chống thiên tai **Chỉ số 2.1.3**: Số lượng sản phẩm bảo hiểm cho cơ sở hạ tầng nông thôn và thành thị (nhà ở, y tế, giáo dục, và các doanh nghiệp) trước tác động của thiên tai. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 0 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 2 **Nguồn dữ liệu**: Tổng cục Phòng chống thiên tai	Các tổ chức LHQ: UNWOMEN, WHO, UNEP, UNCDF, UNIDO, IOM Nhà tài trợ: EU, NORAD/ Norway, ADB, Germany/GIZ, IFC, KFW, UK, ASEAN SEC, UK Space Agency (UKSA), WB	

16 Đợt đánh giá đầu tiên về năng lực cấp tỉnh dự kiến sẽ diễn ra trong nửa cuối năm 2021; dữ liệu cơ sở đầu kỳ sẽ có sau khi đợt đánh giá này kết thúc.

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
		ĐẦU RA 2.2: Các chính sách và giải pháp về chuyển đổi sang phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường được xây dựng và triển khai **Chỉ số 2.2.1**: Số lượng tấn CO2e giảm từ các can thiệp do UNDP hỗ trợ (bao gồm năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, lâm nghiệp,) **Mức cơ sở đầu kỳ**: 2,187,602 tCO2e **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 3,187,602 tCO2e **Nguồn dữ liệu:** Bộ Tài nguyên và Môi trường **Chỉ số 2.2.2**: Số lượng doanh nghiệp được UNDP hỗ trợ chứng minh sản xuất xanh và giảm ô nhiễm môi trường **Mức cơ sở đầu kỳ**: Không có **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 50 **Nguồn dữ liệu:** Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường **Chỉ số 2.2.3**: Số lượng các lĩnh vực công nghiệp trong đó thiết kế sản phẩm thay thế để ngăn chặn việc sử dụng các chất phụ gia hóa chất nguy hại **Mức cơ sở đầu kỳ**: 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 5 **Nguồn dữ liệu:** Bộ Công thương		

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
		ĐẦU RA 2.3: Các giải pháp và thực hành nhạy cảm giới, bền vững và sáng tạo trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và du lịch dựa vào thiên nhiên được thực hiện **Chỉ số 2.3.1**: Diện tích (số héc-ta) rừng và khu bảo tồn biển được phục hồi, tạo mới hay áp dụng các thực hành quản lý bền vững được UNDP hỗ trợ **Mức cơ sở đầu kỳ**: Diện tích (số héc-ta) rừng: 200.000 Diện tích (số héc-ta) khu bảo biển: 8.600 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: Diện tích (số héc-ta) rừng: 1.000.000 Diện tích (số héc-ta) khu bảo tồn biển: 15.000 **Nguồn dữ liệu:** Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn **Chỉ số 2.3.2**: Số phụ nữ và nam giới được hưởng lợi gián tiếp từ quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, rừng, lâm sản ngoài gỗ, du lịch dựa vào thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái do UNDP hỗ trợ **Mức cơ sở đầu kỳ**: 834,558 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 1,738,533 (phân tách theo giới) **Nguồn dữ liệu**: Báo cáo Chính phủ **Chỉ số 2.3.3**: Số lượng các giải pháp tài chính đã thực hiện để huy động nguồn lực thực hiện các hoạt động can thiệp quản lý đa dạng sinh học và hệ sinh thái **Mức cơ sở đầu kỳ**: 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: ít nhất 4 **Nguồn dữ liệu**: Bộ Tài nguyên và Môi trường		

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 4.1 Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Mức cơ sở đầu kỳ: 30,26% Chỉ tiêu cuối kỳ: Hơn 30% **Chỉ số** 4.6 Tỷ lệ dân số hài lòng với trải nghiệm gần nhất đối với dịch vụ công Mức cơ sở đầu kỳ: 84,45% Chỉ tiêu cuối kỳ: 86%	Quốc hội Bộ Nội vụ PAPI - Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam Tổ chức Minh bạch Quốc tế Hội đồng quốc gia về người khuyết tật	**ĐẦU RA 3.1: Các thể chế và hệ thống pháp quyền được củng cố nhằm nâng cao khả năng tiếp cận công lý và chống phân biệt đối xử, trong đó tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương** **Chỉ số 3.1.1:** Mức độ hiểu biết và kỹ năng của công chức nhà nước và các bên liên quan khác về phương pháp báo cáo về quyền con người của LHQ **Mức cơ sở đầu kỳ**: 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 4 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo đào tạo **Các mức đánh giá:** 1 = Không đầy đủ (25% - 50%) 2 = Một phần (50% – 75%) 3 = Vừa phải (75% – 90%) 4 = Lớn hơn / Phần lớn (90% hoặc cao hơn) **Chỉ số 3.1.2:** Mức độ thực hiện các Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về kinh doanh và quyền con người **Mức cơ sở đầu kỳ:** 1 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 5 **Nguồn dữ liệu:** Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp**Các mức đánh giá:** 1 = xác định các khoảng cách căn cứ vào nguyên tắc kinh doanh có trách nhiệm của LHQ; 2 = đánh giá mức độ hiện tại của việc Thực hiện các nguyên tắc; 3 = các kế hoạch hành động để thu hẹp những khoảng cách trong thực hiện;	Chính phủ: Các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ Các cơ quan LHQ: UNICEF UNFPA UNODC UNV Nhà tài trợ: EU	

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 4.7 Tỷ lệ những người đã từng tiếp xúc ít nhất một lần với một công chức nhà nước và đã đưa hối lộ cho một công chức hoặc bị công chức đó yêu cầu hối lộ, trong 12 tháng gần nhất Mức cơ sở đầu kỳ: tỷ lệ phải hối lộ để có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 27% Chỉ tiêu cuối kỳ: <20%		4 = kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm và nhân quyền do Chính phủ ban hành; 5 = đối thoại và các cơ chế thực hiện được khởi động **Chỉ số 3.1.3:** Số lượng các giải pháp, phương thức thúc đẩy sự tăng cường tiếp cận trợ giúp pháp lý **Mức cơ sở đầu kỳ:** 4 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 6 **Nguồn dữ liệu:** Bộ Tư pháp **ĐẦU RA 3.2: Các cơ chế nâng cao tính minh bạch, sự tham gia của cộng đồng, tính liêm chính, khả năng thích ứng, trách nhiệm giải trình, có sự tham gia của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác được tăng cường** **Chỉ tiêu 3.2.1:** Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương **Mức cơ sở đầu kỳ:** 1,5% **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 10% (phân tách theo giới) **Nguồn dữ liệu:** Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) **Chỉ tiêu 3.2.2:** Số lượng các cơ quan từ trung ương đến địa phương được nâng cao năng lực về thúc đẩy đổi mới nhằm tăng cường sự tham gia của người dân. **Mức cơ sở đầu kỳ:** 7 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 16 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của Chính phủ **Chỉ tiêu 3.2.3:** Số lượng khuyến nghị chín	Department of State, USA Norway Embassy UK Embassy KOIKA Các cơ quan khác: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, CEDODES, Hội phụ nữ, Đại học Kinh tế quốc dân	**Nguồn vốn thường xuyên:** 3.250.000 **Các nguồn vốn khác:** 35.082.475

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 4.8 Chỉ số nhận thức tham nhũng Mức cở sở đầu kỳ: 36/100 Chỉ tiêu cuối kỳ: 50-59/100		h sách dựa trên bằng chứng nhằm mục đích cải thiện tính minh bạch, tính liêm chính ở khu vực công và giải pháp thúc đẩy trách nhiệm giải trình được Chính phủ tiếp nhận **Mức cơ sở đầu kỳ:** 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ:** 8 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của Chính phủ **ĐẦU RA 3.3: Năng lực dự báo mang tính nhạy cảm giới và quản trị rủi ro được hỗ trợ nhằm tăng cường an ninh con người, xử lý khủng hoảng trong tương lai và duy trì hòa bình.** **Chỉ số 3.3.1**: Mức độ các cơ quan/tổ chức ở trung ương và địa phương được coi là có năng lực giảm thiểu tác động của tình trạng ô nhiễm bom mìn. **Mức cơ sở đầu kỳ**: Sẽ được quyết định vào năm 2021 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 4 (2026) **Nguồn dữ liệu:** Trung tâm Hành động bom mìn Việt Nam **Các mức đánh giá**: 1 = Không đầy đủ (25% - 50%) 2 = Một phần (50% – 75%) 3 = Vừa phải (75% – 90%) 4 = Lớn hơn / Phần lớn (90% hoặc cao hơn) **Chỉ số 3.3.2**: Mức độ các hệ thống quốc gia được củng cố để ngăn ngừa và chống buôn bán người, hỗ trợ nạn nhân.		

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
Chỉ số 4.11 Số lượng luật/ chính sách mới và sửa đổi về bảo vệ quyền của NKT do LHQ hỗ trợ Mức cơ sở đầu kỳ: 0 Chỉ tiêu cuối kỳ: 03		**Mức cơ sở đầu kỳ**: 1 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 4 (2026) **Nguồn dữ liệu:** Bộ Công an **Các mức đánh giá**: 1 = Xác định những thách thức trong việc thực thi luật pháp; 2 = Đề xuất sửa đổi luật trình Quốc hội thông qua; 3 = Luật sửa đổi được Quốc hội thông qua; 4 = Luật mới được phê duyệt được các cơ quan khác nhau của Chính phủ triển khai **Chỉ số 3.3.3**: Cơ chế, công cụ dự báo các luồng di cư sẵn có cho việc xây dựng chính sách **Mức cơ sở đầu kỳ**: Không có **Chỉ tiêu cuối kỳ**: Có **Nguồn dữ liệu:** Bộ Ngoại giao **Chỉ số 3.3.4**: Số lượng các tổ chức ở cấp trung ương và địa phương có năng lực dự đoán và thích ứng được nâng cao để ngăn ngừa, giảm thiểu và ứng phó với khủng hoảng. **Mức cơ sở đầu kỳ**: 1 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 4 **Nguồn dữ liệu:** Các cơ quan quốc gia có liên quan		

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG, MỨC CƠ SỞ ĐẦU KỲ, CHỈ TIÊU CUỐI KỲ CỦA THÀNH QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CHUNG CỦA LHQ	NGUỒN DỮ LIỆU, TẦN SUẤT THU THẬP DỮ LIỆU	KẾT QUẢ ĐẦU RA DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA	ĐỐI TÁC CHÍNH	NGUỒN LỰC DỰ KIẾN (US$)
		ĐẦU RA 3.4: Năng lực của các bên liên quan được tăng cường để nâng cao nhận thức và tiến hành cải cách chính sách, luật pháp và thể chế nhằm giảm thiểu các rào cản về bình đẳng giới và sự hòa nhập của người khuyết tật. **Chỉ số 3.4.1:** Mức độ sẵn sàng của các cơ chế nhằm khuyến khích sự tham gia chủ động và có ý nghĩa của người khuyết tật vào quá trình xây dựng luật **Mức cơ sở đầu kỳ:** 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 3 **Nguồn dữ liệu:** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (MOLISA), các tổ chức về người khuyết tật **Các mức đánh giá:** 1 = người khuyết tật không tham gia vào quá trình xây dựng luật 2 = người khuyết tật tham gia vào quá trình xây dựng cơ chế thể chế 3 = Các cơ chế thể chế được xây dựng 4 = Các cơ chế thể chế để thực hiện hiệu quả **Chỉ số 3.4.2:** Số lượng các lựa chọn chính sách dựa trên bằng chứng để tăng tính đa dạng và hòa nhập ở cấp trung ương và địa phương được cung cấp. **Mức cơ sở đầu kỳ:** 1 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 4 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của UNDP **Chỉ số 3.4.3:** Số lượng các nền tảng cố vấn có sẵn để nâng cao năng lực lãnh đạo của phụ nữ trong các cơ sở công và tưở tất cả các cấp **Mức cơ sở đầu kỳ:** 2 **Chỉ tiêu cuối kỳ**: 8 **Nguồn dữ liệu:** Báo cáo của Hội phụ nữ, các hiệp hội của các ngành công nghiệp		

UNITED NATIONS DEVELOPMENT PROGRAMME
304 Kim Ma, Ha Noi, Viet Nam
Tel: +(84 24) 38500 100 | **Fax:** +(84 24) 37265 520
www.vn.undp.org | www.facebook.com/undpvietnam
https://twitter.com/UNDPVietNam | https://www.instagram.com/undpvietnam
https://www.linkedin.com/in/undpvietnam